

ĐOÀN TRƯỞNG THPT TRẦN PHÚ							
BẢNG TÍNH CHI ĐOÀN ĐỢT 2							
LỚP	GÓC KHÉO TAY	HỌC TẬP VÀ LÀM THEO LỜI BÁC	GÓC SƯ TÂM	TRANG TRÍ	TỔNG	BẢO CÁO	GHI CHÚ
	1	2	1	1	5		
12A01	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A02	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
12A03	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A04	0.75	2.00	1.00	0.75	4.50	Nộp trễ	Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ) Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ) Nộp trễ (-0,5đ)
12A05	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A06	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A07	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
12A08	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
12A09	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A10	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A11	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A12	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
12A13	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A14	1.00	2.00	0.75	1.00	4.75		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ)
12A15	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A16	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A17	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
12A18	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B01	1.00	2.00	1.00	0.75	4.75		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
11B02	0.75	2.00	0.75	1.00	4.50		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ) Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
11B03	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B04	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
11B05	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B06	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
11B07	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00	Nộp trễ	Nộp trễ (-0,5đ)
11B08	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B09	0.75	2.00	1.00	0.75	4.50		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ); Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
11B10	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B11	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B12	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B13	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B14	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B15	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B16	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B17	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B18	1.00	2.00	1.00	0.75	4.75		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
11B19	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
11B20	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
11B21	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
10C01	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C02	1.00	2.00	1.00	0.75	4.75		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
10C03	1.00	2.00	1.00	0.75	4.75		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
10C04	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
10C05	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C06	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
10C07	1.00	2.00	1.00	0.75	4.75		Trang trí không nổi bật chủ đề (-0,25đ)
10C08	1.00	2.00	0.75	1.00	4.75		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C09	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C10	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C11	0.75	2.00	0.75	1.00	4.50		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ) Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C12	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
10C13	1.00	2.00	1.00	1.00	5.00		
10C14	0.75	2.00	0.75	1.00	4.50		Góc Sư tâm không đúng yêu cầu (-0,25đ) Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C15	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C16	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)
10C17	0.75	2.00	1.00	1.00	4.75		Góc Khéo tay không đúng yêu cầu (-0,25đ)

ĐOÀN TRƯỞNG THPT TRẦN PHÚ												
THÔNG KÊ THỂ DỤC GIỮA GIỜ NĂM HỌC 2024-2025 TUẦN 2 TỪ NGÀY 11/10-16/11/2024												
LỚP	SỈ SỐ	HS HÒA NHẬP	BCH ĐT	SỈ SỐ TẬP THỰC TẾ	CÓ MẶT	HS NGHỈ HỌC (Theo QLHS)	SL VẮNG TẬP	% tập	TẬP TRUNG TRỄ TRÓN TẬP (GHI NHẬN MS)	TÁC PHONG (TẬP SAI ĐỘNG TÁC, KHÔNG NGHIÊM TÚC)	ĐIỂM TDGG	GHI CHÚ
11B01	44			44	42	2	0	100.00			2.00	
11B02	42			42	34		8	80.95			1.80	
11B03	44			44	42	1	1	97.73			2.00	
11B04	44			44	42		2	95.45			2.00	
11B05	43	1		42	40	1	1	97.62			2.00	
11B06	44			44	43	1	0	100.00			2.00	
11B07	44			44	44		0	100.00			2.00	
11B08	45		1	44	43	1	0	100.00			2.00	
11B09	46	1		45	40		5	88.89			1.98	
11B10	45		1	44	43	1	0	100.00			2.00	
11B11	45			45	43		2	95.56			2.00	
11B12	47	1		46	44		2	95.65			2.00	
11B13	31	2		29	27	2	0	100.00			2.00	
11B14	32			32	23		9	71.88		Phúc Lợi, Minh Uyên-tập trung trễ Gia Phúc, Phúc Lợi, Minh Uyên-tập không nghiêm túc	1.10	5VP
11B15	45	2		43	38	3	2	95.35			2.00	
11B16	45	1		44	42		2	95.45			2.00	
11B17	45			45	27	1	17	62.22			1.38	
11B18	45			45	45		0	100.00			2.00	
11B19	35	2		33	33		0	100.00			2.00	
11B20	33	1		32	32		0	100.00			2.00	
11B21	36	2		34	33		1	97.06			2.00	
10C01	43		3	40	40		0	100.00			2.00	
10C02	43		1	42	42		0	100.00			2.00	
10C03	42		1	41	40	1	0	100.00			2.00	
10C04	42	1	1	40	40		0	100.00			2.00	
10C05	41			41	37		4	90.24			2.00	
10C06	42	1	1	40	40		0	100.00		C06-22 không nghiêm túc	1.90	1VP
10C07	43		1	42	42		0	100.00			2.00	
10C08	45	1	1	43	40		3	93.02		C08-09, 11, 14, 15 tập không nghiêm túc	1.60	4VP
10C09	45	1	1	43	43		0	100.00		C09-27 không nghiêm túc	1.90	1VP
10C10	45	1		44	44		0	100.00			2.00	
10C11	45	2		43	42	1	0	100.00		C11-17	1.90	1VP
10C12	49	1	1	47	47		0	100.00			2.00	
10C13	48	1		47	46		1	97.87			2.00	
10C14	49			49	49		0	100.00			2.00	
10C15	48			48	48		0	100.00	Tập trung trễ	C15-15; 43 không nghiêm túc	1.30	Trễ + 2VP
10C16	41	3		38	37	1	0	100.00			2.00	
10C17	39	2		37	34		3	91.89	Tập trung trễ		1.50	Trễ

ĐOÀN TRƯỞNG THPT TRẦN PHÚ												
THỐNG KÊ THỂ DỤC GIỮA GIỜ NĂM HỌC 2024-2025 TUẦN 4 TỪ NGÀY 26/11 - 29/11/2024												
LỚP	SỈ SỐ	HS HÓA NHẬP	BCH ĐT	SỈ SỐ TẬP THỰC TẾ	CÓ TẬP	HS NGHỈ HỌC (Theo QLHS)	SL VẮNG TẬP	% tập	TẬP TRUNG TRỄ TRÒN TẬP (GHI NHẬN MS)	TÁC PHONG (TẬP SAI ĐỘNG TÁC, KHÔNG NGHIỆM TỨC)	ĐIỂM TDGG	GHI CHÚ
12A01	38	2		36	36		0	100.00			2.00	
12A02	38	2		36	35	1	0	100.00			2.00	
12A03	45	2		43	42		1	97.67			2.00	
12A04	46			46	46		0	100.00			2.00	
12A05	47			47	47		0	100.00		A05-26	1.90	1VP
12A06	46			46	45	1	0	100.00			2.00	
12A07	45			45	40	1	4	91.11		A06-37	1.90	1VP
12A08	45			45	44	1	0	100.00			2.00	
12A09	45			45	43	1	1	97.78			2.00	
12A10	47			47	46		1	97.87			2.00	
12A11	46			46	46		0	100.00			2.00	
12A12	46			46	42	4	0	100.00	Tập trung trễ		1.50	Trễ
12A13	45			45	45		0	100.00			2.00	
12A14	45			45	43	1	1	97.78	Tập trung trễ		1.50	Trễ
12A15	47			47	47		0	100.00			2.00	
12A16	34	1		33	31	2	0	100.00			2.00	
12A17	34	1		33	33		0	100.00			2.00	
12A18	34			34	34		0	100.00			2.00	
11B01	44			44	42		2	95.45			2.00	
11B02	42			42	36	1	5	88.10			1.96	
11B03	44			44	44		0	100.00			2.00	
11B04	44			44	44		0	100.00			2.00	
11B05	43	1		42	40		2	95.24	Tập trung trễ		1.50	Trễ
11B06	44			44	43		1	97.73			2.00	
11B07	44			44	41	1	2	95.45			2.00	
11B08	45		1	44	40		4	90.91			2.00	
11B09	46	1		45	42	1	2	95.56	Tập trung trễ		1.50	Trễ
11B10	45		1	44	43		1	97.73			2.00	
11B11	45			45	43		2	95.56			2.00	
11B12	47	1		46	43	1	2	95.65			2.00	
11B13	31	2		29	29		0	100.00		B13-18	1.90	1VP
11B14	32			32	32		0	100.00	Tập trung trễ	B14-19	1.40	Trễ + 1VP
11B15	45	2		43	25	2	16	62.79	Tập trung trễ	B15-06	0.80	Trễ + 1VP
11B16	45	1		44	41		3	93.18			2.00	
11B17	45			45	27		18	60.00	Tập trung trễ		0.83	Trễ
11B18	45			45	45		0	100.00			2.00	
11B19	35	2		33	32	1	0	100.00			2.00	
11B20	33	1		32	30		2	93.75			2.00	
11B21	36	2		34	32	2	0	100.00			2.00	
10C01	43		3	40	40		0	100.00			2.00	
10C02	43		1	42	39	1	2	95.24			2.00	
10C03	42		1	41	41		0	100.00		C03-16	1.90	1VP
10C04	42	1	1	40	40		0	100.00			2.00	
10C05	41			41	39	1	1	97.56			2.00	
10C06	42	1	1	40	40		0	100.00	Tập trung trễ	C06-33	1.40	Trễ + 1VP
10C07	43		1	42	42		0	100.00			2.00	
10C08	45	1	1	43	38		5	88.37	Tập trung trễ		1.46	Trễ
10C09	45	1	1	43	43		0	100.00			2.00	
10C10	45	1		44	44		0	100.00		C10 - 25	1.90	1VP
10C11	45	2		43	43		0	100.00	Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C12	49	1	1	47	47		0	100.00		C12-06	1.90	1VP
10C13	48	1		47	47		0	100.00		C13-01	1.90	1VP
10C14	49			49	48	1	0	100.00	Tập trung trễ	C14-14	1.40	Trễ + 1VP
10C15	48			48	48		0	100.00		C15-10, C15-18, C15-43	1.70	3VP
10C16	41	3		38	36	2	0	100.00	Tập trung trễ		1.50	Trễ
10C17	39	2		37	37		0	100.00	Tập trung trễ		1.50	Trễ